



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 31/05/2023 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Vốn điều lệ: 39.779.360.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2023: 39.779.360.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Diamond Flower, Lô đất C1 Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 024.35122163
- Fax: (84) 024.35121385
- Website: www.adc.net.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trang web; Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu); Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- In ấn. Chi tiết: Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chi hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy – học; Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ cho ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu); Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo (không hoạt động sản xuất phim ảnh);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến thời điểm cuối năm tài chính là 400 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 5 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|--------------|--|
| • Ông Lê Hoàng Hải | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023 |
| • Ông Đinh Gia Lê | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023 |
| • Bà Nguyễn Bích La | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023 |
| • Ông Phạm Huy Phong | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/04/2023 |
| • Bà Mai Nhị Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018
Miễn nhiệm ngày 27/04/2023 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

• Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023
• Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023
• Ông Vũ Đức Tính	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2023
• Ông Nguyễn Văn Quyết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 Miễn nhiệm ngày 27/04/2023

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Phạm Văn Thắng	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 12/06/2022
• Bà Nguyễn Bích La	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2021
• Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/05/2019
• Ông Nguyễn Văn Quyết	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 27/04/2023
• Ông Nguyễn Huy Hoàng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 10/05/2022 Miễn nhiệm ngày 27/03/2023
• Bà Lê Thị Phương	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 27/03/2023 Miễn nhiệm ngày 27/04/2023

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 384/2024/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 21/03/2024 của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Ngọc Viễn – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4868-2024-010-1

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		133.207.366.907	127.884.585.895
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	39.344.466.716	11.237.414.969
1. Tiền	111		13.344.466.716	11.237.414.969
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.750.000.000	18.094.705.005
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	750.000.000	750.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.b	12.000.000.000	17.344.705.005
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.546.798.458	39.898.300.766
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	26.401.673.551	33.849.799.226
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.689.815.181	763.177.702
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	4.517.181.461	5.904.747.817
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.061.871.735)	(619.423.979)
IV. Hàng tồn kho	140	11	42.426.743.706	52.891.581.793
1. Hàng tồn kho	141		42.426.743.706	53.967.843.137
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.076.261.344)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.139.358.027	5.762.583.362
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	4.373.551.158	5.605.103.468
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	157.479.894
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	765.806.869	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.040.609.494	34.070.928.013
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.600.272.375	7.521.558.831
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	4.600.272.375	7.521.558.831
II. Tài sản cố định	220		18.153.178.213	19.447.179.313
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	16.943.630.556	18.139.530.416
- Nguyên giá	222		35.351.221.012	35.119.414.952
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.407.590.456)	(16.979.884.536)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.209.547.657	1.307.648.897
- Nguyên giá	228		2.716.697.277	2.220.697.277
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.507.149.620)	(913.048.380)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	81.818.182
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	81.818.182
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.287.158.906	7.020.371.687
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	6.287.158.906	7.020.371.687
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		162.247.976.401	161.955.513.908

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		84.214.754.129	89.556.758.951
I. Nợ ngắn hạn	310		84.214.754.129	89.556.758.951
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	43.626.578.197	45.341.444.183
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	708.729.429	1.099.777.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	3.149.870.421	3.687.465.532
4. Phải trả người lao động	314		31.099.281.638	29.716.366.634
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	407.440.556
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.983.550.945	7.529.960.202
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.646.743.499	1.774.304.644
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78.033.222.272	72.398.754.957
I. Vốn chủ sở hữu	410		78.033.222.272	72.398.754.957
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	39.779.360.000	39.779.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.779.360.000	39.779.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	24.022.052.102	19.467.200.684
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	14.231.810.170	13.152.194.273
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.231.810.170	13.152.194.273
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		162.247.976.401	161.955.513.908



Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyết

Người lập biểu

Nguyễn Văn Quyết

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	431.661.958.216	390.415.031.494
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		431.661.958.216	390.415.031.494
4. Giá vốn hàng bán	11	22	289.735.168.344	249.906.654.044
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		141.926.789.872	140.508.377.450
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.604.648.768	741.271.968
7. Chi phí tài chính	22		319.821.018	153.110.810
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	24.a	103.836.866.327	104.256.533.990
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.b	20.917.595.751	19.698.555.558
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.457.155.544	17.141.449.060
11. Thu nhập khác	31	25	26.766.778	576.687.587
12. Chi phí khác	32	26	312.952.595	487.706.181
13. Lợi nhuận khác	40		(286.185.817)	88.981.406
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.170.969.727	17.230.430.466
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	3.939.159.557	4.078.236.193
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		14.231.810.170	13.152.194.273
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.862	2.645
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	2.862	2.645



Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyết

Người lập biểu

Nguyễn Văn Quyết

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.170.969.727	17.230.430.466
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13;14	2.021.807.160	2.050.870.492
- Các khoản dự phòng	03	10;11	(633.813.588)	(263.061.243)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23	(990.693.097)	(730.271.968)
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		18.568.270.202	18.287.967.747
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.326.003.683	2.136.986.056
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.541.099.431	(17.363.892.499)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		(6.112.848.049)	10.446.606.749
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.964.765.091	(4.736.483.288)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(4.036.641.495)	(2.967.018.242)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.758.000.000)	(1.003.191.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28.492.648.863	4.800.975.323
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(645.987.878)	(208.760.182)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		5.344.705.005	(7.265.817.468)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9;23	886.703.447	745.120.216
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.585.420.574	(6.729.457.434)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18;19	(5.971.017.690)	(5.567.935.630)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.971.017.690)	(5.567.935.630)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		28.107.051.747	(7.496.417.741)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	11.237.414.969	18.733.832.710
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	39.344.466.716	11.237.414.969



Nguyễn Văn Thắng

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyết

Người lập biểu

Nguyễn Văn Quyết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 31/05/2023 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính

- Xuất bản, phát hành các sản phẩm giáo dục;
- Thiết kế, chế bản in các ấn phẩm phục vụ ngành giáo dục;
- Sản xuất tem chống giả;
- Kinh doanh sách – Thiết bị, đồ dùng dạy học;
- Truyền thông, tổ chức hội chợ, triển lãm, giới thiệu các sản phẩm thương mại.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	5
Thiết bị dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	Hết khấu hao

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông góp vốn theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - Đối với sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - Đối với sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, sách bản quyền: Áp dụng mức thuế suất 5%;
 - Đối với thiết kế, chế bản và truyền thông: Áp dụng mức thuế suất 10%. Từ ngày 01/07/2023 đến hết ngày 31/12/2023, Công ty áp dụng mức thuế suất 8% đối với các mặt hàng này theo Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/06/2023 của Quốc hội.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	75.408.656	5.366.458.824
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.269.058.060	5.870.956.145
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	26.000.000.000	-
Cộng	39.344.466.716	11.237.414.969

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội (*)	750.000.000	967.500.000	-	750.000.000	750.000.000	-
Cộng	750.000.000	967.500.000	-	750.000.000	750.000.000	-

Theo quyết định số 45A/QĐ-MTTT ngày 05/03/2016 của Giám đốc Công ty về việc góp vốn tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (mã chứng khoán EPH) thì mục đích đầu tư là để sinh lời và chuyển nhượng khi có điều kiện.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	12.000.000.000	12.000.000.000	17.344.705.005	17.344.705.005
Cộng	12.000.000.000	12.000.000.000	17.344.705.005	17.344.705.005

Tại thời điểm 31/12/2023, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	3.387.549.037	3.111.918.115
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	2.915.748.015	145.209.440
Các đối tượng khác	20.098.376.499	30.592.671.671
Cộng	26.401.673.551	33.849.799.226

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	776.821.912	842.135.261
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư	2.915.748.015	145.209.440
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	ĐVTT Công ty đầu tư	6.500.000	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	ĐVTT Công ty đầu tư	7.800.000	106.920.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH In Nhật Hàn	2.625.000.000	-
Các đối tượng khác	1.064.815.181	763.177.702
Cộng	3.689.815.181	763.177.702

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	205.021.918	-	101.032.268	-
Tạm ứng	4.500.000	-	3.399.383.108	-
Ký cược, ký quỹ	2.148.034.325	-	1.107.504.000	-
Phải thu thuế TNCN nhân viên	693.365.888	-	670.531.987	-
Phải thu khác	1.466.259.330	-	626.296.454	-
Cộng	4.517.181.461	-	5.904.747.817	-

b. Dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	4.600.272.375	-	7.521.558.831	-
Cộng	4.600.272.375	-	7.521.558.831	-

10. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	Năm 2023	Năm 2022
Số đầu năm	(619.423.979)	(821.090.807)
Trích lập dự phòng tăng trong năm	(442.447.756)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	201.666.828
Số cuối năm	(1.061.871.735)	(619.423.979)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Nợ xấu

	31/12/2023			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Công ty CP Sách và TBTH Hà Giang	329.529.026	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Các đối tượng khác	1.935.492.466	1.203.149.757	Trên 1 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	2.265.021.492	1.203.149.757		

	01/01/2023			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Công ty CP Sách và TBTH Hà Giang	535.929.026	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Các đối tượng khác	207.975.621	124.480.668	Trên 6 tháng	Quá hạn thanh toán
Cộng	743.904.647	124.480.668		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào nợ gốc trừ đi mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

11. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.615.456.915	-	5.541.826.400	-
Thành phẩm	19.455.401.331	-	22.118.144.769	(1.076.261.344)
Hàng hóa	10.426.947.035	-	3.077.783.475	-
Hàng gửi bán	10.928.938.425	-	23.230.088.493	-
Cộng	42.426.743.706	-	53.967.843.137	(1.076.261.344)

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2023.
- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí thuê, sửa chữa cửa hàng	3.042.168.300	3.799.639.086
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	287.463.545	243.059.674
Chi phí làm sách thị trường	751.339.090	1.157.969.992
Các khoản khác	292.580.223	404.434.716
Cộng	4.373.551.158	5.605.103.468

b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	992.689.551	269.699.274
Chi phí thuê cửa hàng, kho, xưởng,... chờ phân bổ	4.147.000.000	5.870.222.233
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	292.282.082	506.861.640
Các khoản khác	855.187.273	373.588.540
Cộng	6.287.158.906	7.020.371.687

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	18.125.999.284	10.195.373.192	5.608.922.645	1.118.828.943	70.290.888	35.119.414.952
Mua sắm trong năm	-	36.000.000	-	195.806.060	-	231.806.060
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	18.125.999.284	10.231.373.192	5.608.922.645	1.314.635.003	70.290.888	35.351.221.012
Khấu hao						
Số đầu năm	2.476.108.210	8.292.537.181	5.057.931.055	1.083.017.202	70.290.888	16.979.884.536
Khấu hao trong năm	362.519.988	632.166.924	388.736.088	44.282.920	-	1.427.705.920
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	2.838.628.198	8.924.704.105	5.446.667.143	1.127.300.122	70.290.888	18.407.590.456
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	15.649.891.074	1.902.836.011	550.991.590	35.811.741	-	18.139.530.416
Số cuối năm	15.287.371.086	1.306.669.087	162.255.502	187.334.881	-	16.943.630.556

- Không có TSCĐ hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2023.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 12.227.565.289 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.220.697.277	2.220.697.277
Tăng trong năm	496.000.000	496.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	2.716.697.277	2.716.697.277
Khấu hao		
Số đầu năm	913.048.380	913.048.380
Khấu hao trong năm	594.101.240	594.101.240
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	1.507.149.620	1.507.149.620
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	1.307.648.897	1.307.648.897
Số cuối năm	1.209.547.657	1.209.547.657

- Không có TSCĐ vô hình đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2023.
- Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	3.142.945.171	1.081.318.889
Bộ Tổng tham mưu - Nhà máy in Bộ Quốc phòng	3.117.328.823	2.803.281.920
Công ty CP In Bao bì Hà Tây	2.071.038.081	3.642.699.432
CN Công ty CP xuất nhập khẩu Bình Tây	2.035.879.471	1.085.027.807
Các đối tượng khác	33.259.386.651	36.729.116.135
Cộng	43.626.578.197	45.341.444.183

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	82.800.000	30.600.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư	3.142.945.171	1.081.318.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM	25.657.690	-
Các đối tượng khác	683.071.739	1.099.777.200
Cộng	708.729.429	1.099.777.200

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	-	8.449.742.865	9.215.549.734	765.806.869	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.140.063.492	3.939.159.557	4.036.641.495	-	3.042.581.554
Thuế thu nhập cá nhân	-	547.402.040	3.332.204.060	3.772.317.233	-	107.288.867
Các loại thuế khác	-	-	23.000.000	23.000.000	-	-
Cộng	-	3.687.465.532	15.744.106.482	17.047.508.462	765.806.869	3.149.870.421

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	2.024.651.273	1.667.448.553
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	38.198.170	42.311.860
Phải trả khác	920.701.502	5.820.199.789
Cộng	2.983.550.945	7.529.960.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	39.779.360.000	(227.778.500)	16.951.868.250	10.390.276.667	66.893.726.417
Tăng trong năm	-	227.778.500	2.515.332.434	13.152.194.273	15.895.305.207
Giảm trong năm	-	-	-	10.390.276.667	10.390.276.667
Số dư tại 31/12/2022	<u>39.779.360.000</u>	<u>-</u>	<u>19.467.200.684</u>	<u>13.152.194.273</u>	<u>72.398.754.957</u>
Số dư tại 01/01/2023	39.779.360.000	-	19.467.200.684	13.152.194.273	72.398.754.957
Tăng trong năm	-	-	4.554.851.418	14.231.810.170	18.786.661.588
Giảm trong năm	-	-	-	13.152.194.273	13.152.194.273
Số dư tại 31/12/2023	<u>39.779.360.000</u>	<u>-</u>	<u>24.022.052.102</u>	<u>14.231.810.170</u>	<u>78.033.222.272</u>

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2023	Năm 2022
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	39.779.360.000	39.779.360.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	39.779.360.000	39.779.360.000
Cổ tức đã chia	5.966.904.000	5.569.110.400

c. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.977.936	3.977.936
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu phổ thông	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu phổ thông	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	13.152.194.273	10.390.276.667
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	14.231.810.170	13.152.194.273
Phân phối lợi nhuận	13.152.194.273	10.390.276.667
- Phân phối lợi nhuận năm trước	13.152.194.273	10.390.276.667
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	4.554.851.418	2.515.332.434
+ Trích quỹ KTPL, HĐQT, BKS	2.630.438.855	2.078.055.333
+ Trả cổ tức bằng tiền	5.966.904.000	5.569.110.400
+ Bù đắp cho Thặng dư vốn cổ phần	-	227.778.500
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	14.231.810.170	13.152.194.273

Lợi nhuận sau thuế năm 2022 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 27/04/2023.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 27/04/2023 đã thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ (trương ứng 5.966.904.000 đồng). Theo đó, Công ty đã chi trả toàn bộ số cổ tức trên trong năm 2023.

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2023	01/01/2023
Hàng hóa nhận ký gửi	34.453.605.179	32.687.526.874

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bán sách và các ấn phẩm khác	389.844.691.523	374.871.675.651
Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	36.324.556.480	15.192.860.096
Doanh thu khác	5.492.710.213	350.495.747
Cộng	431.661.958.216	390.415.031.494

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn sách và các ấn phẩm khác	263.508.579.962	244.559.146.569
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	22.524.234.295	5.064.253.758
Giá vốn khác	4.778.615.431	344.648.132
Dự phòng/ (Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	(1.076.261.344)	(61.394.415)
Cộng	289.735.168.344	249.906.654.044

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	900.693.097	655.271.968
Cổ tức, lợi nhuận được chia	90.000.000	75.000.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	613.955.671	11.000.000
Cộng	1.604.648.768	741.271.968

24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.461.763.191	2.593.070.638
Chi phí nhân công	47.651.148.697	46.682.453.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	301.964.090	309.733.313
Chi phí thuê nhà, cửa hàng	24.600.443.528	25.617.035.920
Các khoản khác	28.821.546.821	29.054.241.031
Cộng	103.836.866.327	104.256.533.990

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí công cụ, dụng cụ	526.849.284	316.345.714
Chi phí nhân công	9.820.734.297	9.376.222.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.326.837.582	1.413.773.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.508.385.790	6.191.305.165
Các khoản khác	3.292.341.042	2.602.576.289
(Hoàn nhập)/Dự phòng nợ phải thu khó đòi	442.447.756	(201.666.828)
Cộng	20.917.595.751	19.698.555.558

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
Thu tiền đền bù do mất hàng	25.055.552	76.865.183
Thu nhập khác	1.711.226	499.822.404
Cộng	26.766.778	576.687.587

26. Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
Phạt thuế, vi phạm hành chính	97.954.537	51.706.415
Các khoản khác	214.998.058	435.999.766
Cộng	312.952.595	487.706.181

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.170.969.727	17.230.430.466
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.046.620.581	2.839.709.152
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	1.136.620.581	2.914.709.152
- Điều chỉnh giảm (cổ tức lợi nhuận được chia)	90.000.000	75.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	19.217.590.308	20.070.139.618
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.939.159.557	4.078.236.193
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	3.843.518.062	4.014.027.924
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	95.641.495	64.208.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.231.810.170	13.152.194.273
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(2.846.362.034)	(2.630.438.855)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ KTPL, HĐQT, BKS)	2.846.362.034	2.630.438.855
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.385.448.136	10.521.755.418
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.977.936	3.977.936
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.862	2.645

“Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2023” đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.780.747.121	24.746.275.335
Chi phí nhân công	77.268.538.882	73.527.938.461
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.021.807.160	2.050.870.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.135.911.484	81.248.133.860
Chi phí khác bằng tiền	10.865.458.654	5.917.355.135
Cộng	220.072.463.301	187.490.573.283

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là phát hành sách và buôn bán ấn bản phẩm và một bộ phận địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

31. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Ngoài ra, chi phí in ấn cũng chiếm phần lớn trong giá vốn thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với mức phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau, bán hàng thu tiền ngay tại các cửa hàng bán lẻ. Các khách hàng khác của Công ty là các Công ty sách lớn, các trường mầm non công lập và ngoài công lập, các giáo viên,... Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, các khoản nợ sắp đến hạn thanh toán thường xuyên được Công ty đôn đốc thu hồi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	43.626.578.197	-	43.626.578.197
Phải trả khác	958.899.672	-	958.899.672
Cộng	44.585.477.869	-	44.585.477.869
01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	45.341.444.183	-	45.341.444.183
Chi phí phải trả	407.440.556	-	407.440.556
Phải trả khác	5.862.511.649	-	5.862.511.649
Cộng	51.611.396.388	-	51.611.396.388

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban Giám đốc cho rằng Công ty kiểm soát được rủi ro thanh khoản và có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2023</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.344.466.716	-	39.344.466.716
Chứng khoán kinh doanh	750.000.000	-	750.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.000.000.000	-	12.000.000.000
Phải thu khách hàng	25.339.801.816	-	25.339.801.816
Phải thu khác	3.819.315.573	4.600.272.375	8.419.587.948
Cộng	81.253.584.105	4.600.272.375	85.853.856.480
<u>01/01/2023</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.237.414.969	-	11.237.414.969
Chứng khoán kinh doanh	750.000.000	-	750.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.344.705.005	-	17.344.705.005
Phải thu khách hàng	33.230.375.247	-	33.230.375.247
Phải thu khác	1.834.832.722	7.521.558.831	9.356.391.553
Cộng	64.397.327.943	7.521.558.831	71.918.886.774

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	ĐVTT Công ty đầu tư
Viện Nghiên cứu Sách và Học Liệu Giáo dục	ĐVTT Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Bán tem, sách	841.512.117	745.552.740
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán tem, sách	10.881.153.495	1.770.372.815
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán tem, sách	3.095.922.222	203.092.593
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Bán tem, sách	8.187.268.519	282.292.593
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Bán tem, sách	2.523.770.459	48.237.037
Viện Nghiên cứu Sách và Học Liệu Giáo dục	Bán tem, sách	11.500.000	11.000.000
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Thu đề tài	75.272.728	48.651.517
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí QLXB, khác	3.497.139.887	3.208.559.803
	Mua tem mẫu	1.014.401.657	402.600.000

e. Thu nhập thực nhận của Hội đồng quản trị

		Năm 2023	Năm 2022
Ông Lê Hoàng Hải	Chủ tịch HĐQT	420.000.000	420.000.000
	điều hành DN	551.760.000	846.645.000
Ông Đinh Gia Lê	Phó Chủ tịch HĐQT	210.000.000	210.000.000
Ông Phạm Văn Thắng	Ủy viên HĐQT	210.000.000	210.000.000
Bà Mai Nhị Hà	Ủy viên HĐQT	114.000.000	210.000.000
Bà Nguyễn Bích La	Ủy viên HĐQT	210.000.000	210.000.000
Ông Phạm Huy Phong	Ủy viên HĐQT	96.000.000	-

d. Tiền lương thực nhận của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	Năm 2023	Năm 2022
Tiền lương của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	3.273.743.507	3.385.989.457

e. Tiền lương, thù lao thực nhận của Ban Kiểm soát

	Năm 2023	Năm 2022
Tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát	1.045.981.371	959.634.996

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 23/02/2024, Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết số 03-2024/NQ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%. Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tạm ứng cổ tức năm 2023 là 21/03/2024. Ngày dự kiến thanh toán là 10/05/2024.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

34. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi AAC.



Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyết

Người lập biểu

Nguyễn Văn Quyết



Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Lô 78-80, Đường 30/4,
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel : +(84-236) 3655 886
Fax: +(84-236) 3655 887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +(84-28) 3910 2235
Fax: +(84-28) 3910 2349
Email: aac.hcm@aac.vnn.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6, tòa nhà Việt Á
Số 09 Duy Tân, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +(84-24) 3224 2403
Fax: +(84-24) 3224 2402
Email: aac.hn@aac.com.vn